

Số: *42*./TTr-CPNT2

Đồng Nai, ngày 28 tháng 4, năm 2026

TỜ TRÌNH

**V/v: Báo cáo kết quả SXKD năm 2025 và kế hoạch SXKD năm 2026
Công ty Cổ phần Điện lực Dầu khí Nhơn Trạch 2**

Kính gửi: Đại hội đồng cổ đông
Hội đồng quản trị (HĐQT)
Công ty Cổ phần Điện lực Dầu khí Nhơn Trạch 2 (Công ty)

Thực hiện chỉ đạo của HĐQT Công ty về việc chuẩn bị tài liệu phục vụ cho Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2026, Công ty kính trình Báo cáo kết quả hoạt động SXKD năm 2025 và kế hoạch SXKD năm 2026 với các nội dung như sau:

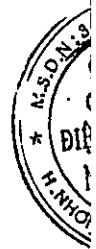
I. CƠ SỞ PHÁP LÝ

- Điều lệ tổ chức và hoạt động của Công ty cổ phần Điện lực Dầu khí Nhơn Trạch 2.
- Quy trình quản lý công tác Kế hoạch của Công ty ban hành theo Quyết định số 51/QĐ-CPNT2 ngày 29/10/2018 của HĐQT Công ty.
- Báo cáo tài chính năm 2025.

II. NỘI DUNG

1. Báo cáo kết quả SXKD năm 2025

Tình hình SXKD năm 2025 phải đối mặt với nhiều khó khăn trong hoạt động SXKD: (i) Nguồn khí bị suy giảm; (ii) Giá khí đầu vào tăng cao, nguồn năng lượng tái tạo luôn được ưu tiên nên làm giảm tính cạnh tranh và hiệu quả trong thị trường điện; (iii) Công tác thanh toán tiền điện của EVN hàng tháng còn chậm so với quy định Hợp đồng ảnh hưởng trực tiếp đến công tác cân đối dòng tiền phục vụ SXKD. Với những khó khăn ảnh hưởng trực tiếp đến kết quả SXKD như trên, Ban Lãnh đạo Công ty đã chủ động khắc phục, phấn đấu hết mình trong công tác điều hành, xây dựng các phương án chào giá hợp lý, đảm bảo vận hành các tổ máy ổn định linh hoạt phù hợp với thị trường điện, đặc biệt bằng các giải pháp như: (1) Định kỳ hàng tháng/hàng quý, tổ chức các cuộc họp về công tác phân kỳ kế hoạch kết hợp công tác thị trường điện, rà soát các nội dung, đánh giá mức độ hoàn thành công việc để có giải pháp điều chỉnh kịp thời các phương án vận hành; (2) Nâng cao hiệu quả công tác tài chính, hiệu quả sử dụng vốn; (3) Quản lý tốt công tác hiệu năng, SHN của nhà máy, chú trọng và tăng cường công tác sáng kiến cải tiến kỹ thuật, áp dụng thực tế vào SXKD; (4) Xử lý cân đối khí phù hợp với tình hình vận hành; (5) Nâng Qc từ 2,13 lên 3,48 tỷ kWh; (6) Thu



hồi phí dịch vụ môi trường rừng; (7) Ghi nhận chênh lệch tỷ giá từ 2019-2021; (8) Điều chỉnh kế hoạch tiêu tu để nâng cao hiệu quả SXKD; (9) Thực hiện tốt công tác tiết kiệm chi phí để xuất sắc hoàn thành vượt mức chỉ tiêu lợi nhuận năm 2025 với các chỉ tiêu cụ thể như sau:

- Lợi nhuận sau thuế đạt 405%KH 2025 tương ứng 1.130,28 tỷ đồng trong bối cảnh sản lượng huy động chỉ là 3.117,5 Tr.kWh, đạt 90%KH 2025. Đây được xem là điểm sáng chứng minh sự đồng lòng vượt qua khó khăn của Ban Lãnh đạo cùng toàn thể CBCNV-NLĐ Công ty trong năm 2025, tạo cơ sở vững chắc và đà phát triển mạnh mẽ của Công ty cho các năm tiếp theo.
- Đảm bảo cân đối dòng tiền đáp ứng nhu cầu SXKD. Hoàn thành trả 8% cổ tức còn lại năm 2023 vào ngày 12/02/2025; Trả 7% cổ tức bằng tiền từ nguồn lợi nhuận sau thuế chưa phân phối lũy kế của Công ty vào ngày 31/10/2025.
- Thực hiện nghĩa vụ nộp ngân sách nhà nước đầy đủ và đúng quy định. Nộp ngân sách nhà nước năm 2025 là 207,65 tỷ đồng, đạt 115%KH 2025.
- Công tác vận hành, công tác thương mại thị trường điện và các công tác khác được thực hiện tốt mang lại hiệu quả kinh tế cao nhất cho Công ty.
- Kiểm soát tốt thực tế so với định mức Kinh tế kỹ thuật được phê duyệt.
- Phối hợp với các bên liên quan đảm bảo đủ nhiên liệu, sẵn sàng huy động các tổ máy theo thị trường điện.
- Thực hiện tốt kết quả tiết kiệm tiết giảm trong năm 2025 với giá trị là 90,67 tỷ đồng.

Trải qua một năm có nhiều biến động và khó khăn ảnh hưởng trực tiếp đến hoạt động SXKD nhưng Công ty đã giữ vững hoạt động ổn định, cùng nhau vượt qua mọi khó khăn, đảm bảo vận hành NMD NT2 an toàn, hoàn thành tốt chỉ tiêu lợi nhuận SXKD và đạt được các giải thưởng: (i) Doanh nghiệp đạt chuẩn công bố thông tin; (ii) Doanh nghiệp tiêu biểu vì người lao động; (iii) Top 100 Doanh nghiệp bền vững Việt Nam; (iv) Top 500 Doanh nghiệp lớn nhất Việt Nam; (v) Top 10 Sao vàng thương hiệu quốc gia.

(Chi tiết theo phụ lục 1 – Báo cáo kết quả SXKD năm 2025 đính kèm).

2. Các chỉ tiêu kế hoạch năm 2026

Trên cơ sở những kết quả đã đạt được trong năm 2025 và nhận định tình hình kinh tế năm 2026 tiếp tục gặp nhiều khó khăn do: (i) Chiến tranh ở các khu vực; (ii) Phân bổ Qc; (iii) Nguồn khí bị suy giảm; (iv) Giá khí đầu vào tăng cao; (v) Ảnh hưởng của nguồn năng lượng tái tạo nên PVPower NT2 xây dựng kế hoạch SXKD năm 2026 với các chỉ tiêu chính cụ thể như sau:

Stt	Chỉ tiêu	Đvt	KH 2026
1	Sản lượng điện	Tr.kWh	3.500
2	Khối lượng khí	Tr.Sm3	669,89
3	Tổng Doanh thu	Tỷ đồng	8.170,12
4	Tổng Chi phí	Tỷ đồng	7.632,58
5	LN trước thuế	Tỷ đồng	537,54
6	LN sau thuế	Tỷ đồng	430,03
7	Cổ tức	%	15

(Chi tiết theo phụ lục 2 – Kế hoạch SXKD năm 2026 đính kèm)

III. KIẾN NGHỊ

Công ty kính trình HĐQT xem xét thông qua Báo cáo kết quả SXKD năm 2025 và kế hoạch SXKD năm 2026 trình ĐHCĐ phê duyệt để Công ty có cơ sở thực hiện các bước tiếp theo.

Trân trọng./.

Nơi nhận:

- Như trên;
- TBKS;
- Ban GD;
- Các Phòng chức năng/PXVH;
- Lưu VT, P.KHTH.

Đính kèm:

- Phụ lục 1: Báo cáo kết quả SXKD năm 2025;
- Phụ lục 2: Kế hoạch SXKD năm 2026.



KT/ GIÁM ĐỐC

PHÓ GIÁM ĐỐC
Nguyễn Văn Quyền

PHỤ LỤC 1: BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG SXKD NĂM 2025

I. KẾT QUẢ THỰC HIỆN CÁC CHỈ TIÊU KẾ HOẠCH SXKD NĂM 2025

Tình hình SXKD năm 2025 phải đối mặt với nhiều khó khăn trong hoạt động SXKD: (i) Nguồn khí bị suy giảm; (ii) Giá khí đầu vào tăng cao, nguồn năng lượng tái tạo luôn được ưu tiên nên làm giảm tính cạnh tranh và hiệu quả trong thị trường điện; (iii) Công tác thanh toán tiền điện của EVN hàng tháng còn chậm so với quy định Hợp đồng ảnh hưởng trực tiếp đến công tác cân đối dòng tiền phục vụ SXKD. Với những khó khăn ảnh hưởng trực tiếp đến kết quả SXKD như trên, Ban Lãnh đạo Công ty đã chủ động khắc phục, phấn đấu hết mình trong công tác điều hành, xây dựng các phương án chào giá hợp lý, đảm bảo vận hành các tổ máy ổn định linh hoạt phù hợp với thị trường điện, đặc biệt bằng các giải pháp như: (1) Định kỳ hàng tháng/hàng quý, tổ chức các cuộc họp về công tác phân kỳ kế hoạch kết hợp công tác thị trường điện, rà soát các nội dung, đánh giá mức độ hoàn thành công việc để có giải pháp điều chỉnh kịp thời các phương án vận hành; (2) Nâng cao hiệu quả công tác tài chính, hiệu quả sử dụng vốn; (3) Quản lý tốt công tác hiệu năng, SHN của nhà máy, chú trọng và tăng cường công tác sáng kiến cải tiến kỹ thuật, áp dụng thực tế vào SXKD; (4) Xử lý cân đối khí phù hợp với tình hình vận hành; (5) Nâng Qc từ 2,13 lên 3,48 tỷ kWh; (6) Thu hồi phí dịch vụ môi trường rừng; (7) Ghi nhận chênh lệch tỷ giá từ 2019-2021; (8) Điều chỉnh kế hoạch tiêu tu để nâng cao hiệu quả SXKD; (9) Thực hiện tốt công tác tiết kiệm chi phí để xuất sắc hoàn thành vượt mức chỉ tiêu lợi nhuận năm 2025 với các chỉ tiêu cụ thể như sau:

Stt	Chỉ tiêu	ĐVT	KH 2025	TH 2025	%
			1	2	3=2/1
1	Sản lượng điện	Tr. kWh	3.467,50	3.117,50	90%
	Qc	Tr. kWh	2.128,86	3.487,98	164%
2	Tổng doanh thu, thu nhập khác	Tỷ đồng	8.211,51	8.132,85	99%
3	Tổng chi phí	Tỷ đồng	7.901,78	6.864,88	87%
4	LN trước thuế	Tỷ đồng	309,73	1.267,96	409%
5	LN sau thuế	Tỷ đồng	278,76	1.130,28	405%
6	Cổ tức	%	10%	10%	100%

1. Đánh giá kết quả thực hiện KH SXKD năm 2025

- Lợi nhuận sau thuế đạt 405% KH 2025 tương ứng 1.130,28 tỷ đồng trong bối cảnh sản lượng huy động chỉ là 3.117,5 Tr.kWh, đạt 90% KH 2025. Đây được xem là điểm sáng chứng minh sự đồng lòng vượt qua khó khăn của Ban Lãnh đạo cùng

toàn thể CBCNV-NLĐ Công ty trong năm 2025, tạo cơ sở vững chắc và đà phát triển mạnh mẽ của Công ty cho các năm tiếp theo.

- Đảm bảo cân đối dòng tiền đáp ứng nhu cầu SXKD. Hoàn thành trả 8% cổ tức còn lại năm 2023 vào ngày 12/02/2025; Trả 7% cổ tức bằng tiền từ nguồn lợi nhuận sau thuế chưa phân phối lũy kế của Công ty vào ngày 31/10/2025.
 - Thực hiện nghĩa vụ nộp ngân sách nhà nước đầy đủ và đúng quy định. Nộp ngân sách nhà nước năm 2025 là 207,65 tỷ đồng, đạt 115% KH 2025.
 - Công tác vận hành, công tác thương mại thị trường điện và các công tác khác được thực hiện tốt mang lại hiệu quả kinh tế cao nhất cho Công ty.
 - Kiểm soát tốt thực tế so với định mức Kinh tế kỹ thuật được phê duyệt.
 - Phối hợp với các bên liên quan đảm bảo đủ nhiên liệu, sẵn sàng huy động các tổ máy theo thị trường điện.
 - Thực hiện tốt kết quả tiết kiệm tiết giảm trong năm 2025 với giá trị là 90,67 tỷ đồng.
2. **Các giải thưởng đạt được:** Trải qua một năm có nhiều biến động và khó khăn ảnh hưởng trực tiếp đến hoạt động SXKD nhưng Công ty đã giữ vững hoạt động ổn định, cùng nhau vượt qua mọi khó khăn, đảm bảo vận hành NMD NT2 an toàn, hoàn thành tốt chỉ tiêu lợi nhuận SXKD và đạt được các giải thưởng: (i) Doanh nghiệp đạt chuẩn công bố thông tin; (ii) Doanh nghiệp tiêu biểu vì người lao động; (iii) Top 100 Doanh nghiệp bền vững Việt Nam; (iv) Top 500 Doanh nghiệp lớn nhất Việt Nam; (v) Top 10 Sao vàng thương hiệu quốc gia.

II. ĐÁNH GIÁ KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG THEO TỪNG LĨNH VỰC

1. Công tác vận hành, công tác bảo dưỡng sửa chữa

- Công tác vận hành được đảm bảo ổn định, tin cậy và các tổ máy luôn khả dụng theo thị trường.
- Công tác sửa chữa bảo dưỡng luôn được kiểm tra, giám sát đáp ứng yêu cầu sản xuất, đảm bảo an toàn cho con người và thiết bị. Hoàn thành công tác tiểu tu Nhà máy điện Nhơn Trạch 2 vào ngày 11/09/2025, vượt tiến độ 48 giờ đạt chất lượng tốt, an toàn tuyệt đối.
- Công tác phối hợp với các đơn vị NSMO, EPTC, EVN, PV Gas được thực hiện rất linh hoạt, góp phần vận hành tối ưu, hiệu quả.

2. Công tác quản lý kế hoạch, thị trường điện, tiết giảm chi phí

- Công tác thị trường điện luôn được bám sát, kịp thời nắm bắt thông tin tình hình hệ thống.
- Tổ chức hội nghị vận hành thị trường điện hàng quý để có giải pháp chào giá tối ưu hiệu quả SXKD.

- Tổ chức hội nghị phân kỳ chi phí hàng quý để rà soát, tiết kiệm các chi phí chưa cần thiết góp phần nâng cao hiệu quả SXKD.
- Thực hiện tốt kết quả tiết kiệm tiết giảm trong năm 2025 với giá trị là 90,67 tỷ đồng.

3. Công tác tài chính kế toán

- Tích cực thu hồi công nợ và đảm bảo cân đối dòng tiền đáp ứng nhu cầu SXKD.
- Hoàn thành trả 8% cổ tức còn lại năm 2023 vào ngày 12/02/2025 cho cổ đông; Trả 7% cổ tức bằng tiền từ nguồn lợi nhuận sau thuế chưa phân phối lũy kế của Công ty vào ngày 31/10/2025.
- Thực hiện tốt các quy chế, quy định về công tác quản lý chi tiêu đảm bảo có hiệu quả, hợp lý và tiết kiệm.
- Tiếp tục thực hiện công tác thu hồi công nợ, tiền điện hàng tháng để đảm bảo dòng tiền phục vụ SXKD.

4. Công tác thương mại Hợp đồng

- Hợp đồng mua bán điện: Công tác theo dõi, thực hiện hợp đồng được các bên phối hợp thực hiện tốt. Công tác thanh toán và thu hồi tiền bán điện được quan tâm hàng đầu và phối hợp chặt chẽ để triển khai thực hiện. Tuy nhiên, việc thanh toán tiền điện của EVN/EPTC còn chậm.
- Hợp đồng mua bán khí: Phối hợp chặt chẽ trong công tác thanh toán, hoàn thiện các hợp đồng sửa đổi đồng bộ với PPA. Công tác phối hợp vận hành và xử lý sự cố đã được các bên phối hợp chặt chẽ, kiểm tra và thanh toán nhiên liệu khí được thực hiện nghiêm túc. Hiện nay đang tích cực phối hợp PV Gas giải quyết tồn tại việc thanh toán cước phí vận chuyển Phú Mỹ - TP. Hồ Chí Minh.
- Hợp đồng bảo trì sửa chữa:
 - + Hợp đồng bảo trì sửa chữa với Siemens: Công tác theo dõi, thực hiện hợp đồng được các bên phối hợp thực hiện tốt góp phần đảm bảo NMD NT2 vận hành an toàn hiệu quả.
 - + Hợp đồng bảo trì sửa chữa thường xuyên với PVPS được thực hiện tốt, liên tục đảm bảo NMD NT2 vận hành an toàn hiệu quả.
- Công tác mua sắm vật tư, thiết bị phục vụ SXKD, tiêu tu thực hiện đúng theo quy định góp phần hoàn thành vượt tiến độ tiêu tu năm 2025.

5. Công tác an toàn sức khỏe môi trường và PCCC

- Công tác an toàn, sức khỏe, môi trường luôn đảm bảo.
- Hoàn thành tốt công tác huấn luyện về ATVSLĐ cho người lao động; huấn luyện sơ cấp cứu; huấn luyện ứng phó sự cố tràn dầu; diễn tập phương án PCCC & cứu nạn cứu hộ, diễn tập UPSC cố tràn dầu, hóa chất, môi trường; hưởng ứng tháng hành

động về ATVSLĐ, ngày toàn dân PCCC, ngày môi trường thế giới.

- Trang bị đầy đủ trang thiết bị bảo vệ cá nhân, cứu hộ cứu nạn.
- Tổ chức khám sức khỏe định kỳ cho CBCNV-NLĐ.
- Công tác Y tế và công tác An toàn vệ sinh lao động được đảm bảo.

6. Công tác tổ chức lao động, khoa học công nghệ

- Lao động cuối kỳ: 170 người.
- Công tác khoa học công nghệ:
 - + Luôn quan tâm đến hoạt động khoa học công nghệ và sáng kiến cải tiến kỹ thuật để giảm chi phí SXKD. Công ty có Quyết định công nhận 17 sáng kiến cải tiến kỹ thuật cho các tác giả năm 2025, cụ thể như sau:
 - ✓ Cải tiến giải pháp chống ẩm cho mạch điện tử các đầu dò khói tại các hầm cấp nhà máy điện Nhơn Trạch 2.
 - ✓ Cải tiến hệ thống làm mát cho tủ điều khiển 2 lò thu hồi nhiệt 11/12CPC21/22 nhà máy điện Nhơn Trạch 2.
 - ✓ Cải tiến cải tạo tủ điện điều khiển hệ thống quạt thông thoáng nhà sấy clo - TBTH nhà máy điện Nhơn Trạch 2.
 - ✓ Cải tiến thiết kế, gia công thùng vớt rác kênh nước làm mát trạm bơm nước tuần hoàn nhà máy điện Nhơn Trạch 2.
 - ✓ Cải tiến Thiết kế, lắp đặt mới đường nước dự phòng cho bơm rửa lưới quay rác trạm bơm nước tuần hoàn tại nhà máy điện Nhơn Trạch 2.
 - ✓ Cải tiến thiết kế, gia công lắp đặt thang đứng đi lên mái Turbine tại nhà máy điện Nhơn Trạch 2.
 - ✓ Cải tiến Thiết kế lắp đặt mới tủ nguồn động lực 3 pha 100A phục vụ công tác kiểm định định kỳ các thiết bị sân trạm 220kV nhà máy điện Nhơn Trạch 2.
 - ✓ Cải tiến hệ thống bơm nước nhà công vụ nhà máy điện Nhơn Trạch 2.
 - ✓ Cải tiến Giải pháp quản lý thông tin bằng Trợ lý ảo Google NotebookLM nhà máy điện Nhơn Trạch 2.
 - ✓ Cải tiến thay động cơ nạp lò xo cho máy cắt kích từ ST nhà máy điện Nhơn Trạch 2.
 - ✓ Cải tiến mạch logic trên SPPA-T3000 tránh bảo vệ Shutdown tổ máy khi 01 module Analog Input bị lỗi nhà máy điện Nhơn Trạch 2.
 - ✓ Cải tiến mạch logic trên SPPA-T3000 tránh bảo vệ ngừng bơm nước làm mát chính (MCWP A/B) khi các kênh đo nhiệt độ trên mỗi bơm bị lỗi nhà máy điện Nhơn Trạch 2.
 - ✓ Cải tiến thay thế Bulong kim loại bằng Bulong nhựa có độ bền cao cho khu

vực chứa hóa chất của hệ thống xử lý nước nhà máy điện Nhơn Trạch 2.

- ✓ Cải tiến lắp đường thoát của hệ thống rửa mắt khẩn cấp đi vào bể thu gom nước thải tại hệ thống XLN nhà máy điện Nhơn Trạch 2.
 - ✓ Cải tiến lắp hệ thống hút hơi cho bể chứa nước xả Blowdown và bể tiếp nhận nước thải tại khu vực XLNT nhà máy điện Nhơn Trạch 2.
 - ✓ Cải tiến đường xả nước chèn bơm Main Cooling NMD NT2
 - ✓ Lắp thêm ống góp xả drain kết hợp hiển thị mực bồn dầu rò hệ thống nhiên liệu dầu NMD NT2.
- + Ban hành các quy chế, quy định để khuyến khích, động viên người lao động thi đua sáng kiến cải tiến kỹ thuật góp phần vào sự phát triển cho đơn vị.

PHỤ LỤC 2: KẾ HOẠCH SẢN XUẤT KINH DOANH NĂM 2026

I. CĂN CỨ XÂY DỰNG KẾ HOẠCH

- Sự ảnh hưởng của nguồn cung năng lượng tái tạo.
- Quy trình quản lý công tác Kế hoạch của Công ty ban hành theo Quyết định số 51/QĐ-CPNT2 ngày 29/10/2018 của HĐQT Công ty.
- Quyết định 3477/QĐ-BCT ngày 28/11/2025 của Bộ công thương về phê duyệt phương thức vận hành hệ thống điện quốc gia năm 2026.
- Các bất ổn về kinh tế, chính trị thế giới ảnh hưởng đến chuỗi cung ứng toàn cầu; giá cả và lạm phát có xu hướng tăng cao.
- Dựa trên kết quả thực hiện SXKD năm 2025 và dự báo tình hình kinh tế xã hội năm 2026, tình hình tài chính hiện tại của Công ty.

II. CÁC CHỈ TIÊU KẾ HOẠCH

Đánh giá các khó khăn trong SXKD tiếp tục kéo dài qua năm 2026 như: (i) Chiến tranh lan rộng ở các khu vực; (ii) Phân bổ Qc; (iii) Nguồn khí bị suy giảm; (iv) Giá khí đầu vào tăng cao; (v) Ảnh hưởng của nguồn năng lượng tái tạo nên PVPower NT2 xây dựng kế hoạch SXKD năm 2026 với các chỉ tiêu chính cụ thể như sau:

Stt	Chỉ tiêu	Đvt	KH 2026
1	Sản lượng điện	Tr.kWh	3.500
2	Khối lượng khí	Tr.Sm ³	669,89
3	Tổng Doanh thu	Tỷ đồng	8.170,12
4	Tổng Chi phí	Tỷ đồng	7.632,58
5	LN trước thuế	Tỷ đồng	537,54
6	LN sau thuế	Tỷ đồng	430,03
7	Cổ tức	%	15

III. CÁC NHIỆM VỤ VÀ GIẢI PHÁP THỰC HIỆN KẾ HOẠCH

Nhận thức được các khó khăn, thách thức trong SXKD năm 2026, Công ty đề ra các nhiệm vụ và giải pháp để cùng toàn thể CBCNV nỗ lực phấn đấu hoàn thành các chỉ tiêu KH SXKD năm 2026 như sau:

1. Nhiệm vụ chủ yếu:

- Cập nhật các quy định mới của Pháp luật hiện hành liên quan đến hoạt động SXKD.
- Phối hợp chặt chẽ với các bên liên quan: Tập đoàn điện lực Việt Nam (EVN), Công ty TNHH MTV vận hành hệ thống điện và thị trường điện Quốc gia (NSMO), các

đơn vị cung cấp nhiên liệu, đơn vị bảo dưỡng sửa chữa trong công tác vận hành, bảo dưỡng và sửa chữa NMD Nhơn Trạch 2 an toàn và hiệu quả.

- Cân đối dòng tiền phục vụ SXKD.
- Triển khai đồng bộ các giải pháp tăng cường kiểm soát và tiết kiệm tối đa các khoản chi phí; quản lý và sử dụng vốn, tài sản an toàn, đúng mục đích đảm bảo tối ưu hiệu quả hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty. Tăng cường quản lý công tác mua sắm vật tư thiết bị, thực hiện các giải pháp giảm tồn kho.
- Tăng cường công tác quản lý kỹ thuật để đảm bảo vận hành an toàn, ổn định các tổ máy theo định mức kinh tế kỹ thuật.
- Hoàn thiện, ký kết để thanh toán đồng bộ các Hợp đồng sửa đổi bổ sung PPA, GSA đảm bảo hiệu quả cho Công ty. Chủ động làm việc với PV Gas để có giải pháp tính toán cước phí vận chuyển khí tuyến Phú Mỹ - Hồ Chí Minh trong giá điện, xác định giá thành phù hợp nhằm nâng cao tính cạnh tranh của Nhà máy.
- Đẩy mạnh công tác đào tạo, phát huy sáng kiến, nghiên cứu khoa học kỹ thuật để góp phần vào thực tiễn SXKD.
- Bám sát thị trường điện cạnh tranh, chuẩn bị các điều kiện tham gia thị trường bán buôn điện cạnh tranh và tìm kiếm các hộ tiêu thụ lớn để nâng cao hiệu quả SXKD.
- Xây dựng phương án triển khai thực hiện phát hành cổ phiếu theo chương trình lựa chọn cho người lao động (ESOP).
- Công tác đầu tư phát triển: Nghiên cứu, tìm kiếm, xem xét các cơ hội đầu tư phát triển ...
- Đẩy mạnh công tác thực hành tiết kiệm, chống lãng phí.
- Thực hiện tốt công tác an sinh xã hội.
- Thực hiện các nhiệm vụ khác.

2. Các giải pháp thực hiện

Phát huy những kết quả đạt được năm 2025, Công ty đề ra các giải pháp để cùng toàn thể CBCNV phấn đấu hoàn thành các chỉ tiêu kế hoạch SXKD năm 2026 được giao như sau:

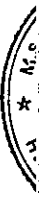
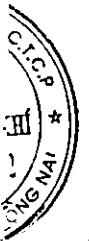
- a. Giải pháp quản lý tài chính kế hoạch, vật tư, tiết kiệm chống lãng phí
 - Tổ chức đánh giá kế hoạch theo tháng/quý để có những cập nhật điều chỉnh kịp thời phù hợp với thực tế SXKD.
 - Tăng cường công tác thu hồi công nợ, đảm bảo dòng tiền phục vụ SXKD.
 - Quản lý chi phí hiệu quả, tăng cường công tác tiết kiệm, tiết giảm nhằm giảm chi phí sản xuất.

- Quản lý, mua sắm và sử dụng có hiệu quả vật tư thiết bị tồn kho, dự phòng.
- b. Giải pháp kỹ thuật và an toàn
- Đảm bảo tốt công tác quản lý, vận hành nhà máy, chủ động ngăn ngừa không để xảy ra sự cố chủ quan.
 - Triển khai thực hiện tốt các công tác liên quan đến công tác bảo dưỡng sửa chữa nhà máy đảm bảo tiết kiệm, hiệu quả, nâng cao hiệu suất.
 - Luôn quan tâm và đảm bảo công tác an toàn vận hành nhà máy, phòng chống cháy nổ.
- c. Giải pháp thương mại-thị trường điện
- Phối hợp các bên liên quan để phân bổ sản lượng Qc một cách hợp lý để không ảnh hưởng đến an toàn vận hành và hiệu quả SXKD.
 - Tăng cường phối hợp với các bên liên quan để đảm bảo đủ nhiên liệu vận hành theo hướng cân đối giữa sản lượng điện và lợi nhuận SXKD. Chủ động tìm kiếm các nguồn cung cấp khí bổ sung trong bối cảnh nguồn khí trong nước đang suy giảm.
 - Tiếp tục làm việc với các bên liên quan để giải quyết các khó khăn, vướng mắc của Hợp đồng GSA, PPA chưa được xử lý.
 - Triển khai công tác mua sắm vật tư đáp ứng nhu cầu SXKD.
 - Định kỳ tổ chức hội thảo về công tác thị trường điện để tìm giải pháp, chiến lược chào giá tối ưu.

IV. KIẾN NGHỊ

- Hỗ trợ làm việc với PV Gas và các bên liên quan sớm có biện pháp xử lý vướng mắc về cước phí vận chuyển PM-HCM đảm bảo thanh toán tiền khí-điện được nhất quán theo quy định của các Hợp đồng.
- Hỗ trợ kiến nghị Cục Điều tiết điện lực, Bộ Công thương xem xét sửa đổi quy định vận hành thị trường điện theo hướng cho phép cập nhật giá trần bản chào các tổ máy nhiệt điện linh hoạt hơn (theo tuần hoặc thời gian ngắn hơn) để phản ánh chính xác giá biến đổi của các nhà máy nhiệt điện trong bối cảnh giá nhiên liệu đầu vào tăng cao và biến động liên tục.
- Đôn đốc tiến độ thu hồi tiền điện để cân đối dòng tiền phục vụ SXKD.

Trân trọng.



BẢNG KẾT QUẢ THỰC HIỆN KẾ HOẠCH SẢN XUẤT KINH DOANH NĂM 2025

Stt	Các chỉ tiêu kế hoạch	Đơn vị	KH 2025	Tình hình SXKD năm 2025	
				TH năm 2025	so với KH 2025
A	B	C	I	3	6=3/I
A	KẾ HOẠCH SẢN LƯỢNG				
I	SẢN LƯỢNG ĐIỆN	Triệu.kWh	3.467,50	3.117,50	90%
-	Sản lượng điện chạy khí	"	3.041,23	3.117,50	103%
-	Sản lượng điện chạy dầu		426,26		
II	NHIÊN LIỆU TIÊU THỤ		-		
-	Khí	Triệu Sm3	580,86	608,53	105%
-	Dầu	M3	85.327		
B	KẾ HOẠCH TÀI CHÍNH				
I	TỔNG TÀI SẢN	Triệu.VND	6.323.995	9.124.016,41	
II	VỐN CHỦ SỞ HỮU	Triệu.VND	4.429.838	4.728.797,30	
	Trong đó: - Vốn điều lệ	"	2.878.760	2.878.760,29	
	- Tỷ lệ tham gia của PV Power	%	59,37	59,37	
III	TỔNG DOANH THU	Triệu.VND	8.211.512	8.132.847,43	99%
1	Doanh thu sản xuất điện	"	7.943.260	7.720.746,19	
2	Doanh thu tài chính, Thu nhập khác	"	-	174.627,73	
3	Doanh thu và lợi nhuận từ việc ghi nhận chênh lệch tỷ giá từ 2019 phân còn lại đến năm 2021 theo Hợp đồng mua bán điện	"	177.439	160.107,58	
4	Doanh thu từ việc ghi nhận tiền dịch vụ môi trường rừng thu hồi từ 2019 đến quý III/2024		90.813	77.365,93	
IV	TỔNG CHI PHÍ	Triệu.VND	7.901.780	6.864.883,08	87%
1	Chi phí giá vốn	"	7.752.725	6.710.408,39	
2	Chi phí tài chính	"	49.742	66.376,84	
3	Chi phí quản lý	"	99.312	84.909,94	
4	Chi phí khác	"	-	3.187,91	
V	XỬ LÝ TÀI CHÍNH	Triệu.VND			
1	Lợi nhuận trước thuế	"	309.731,93	1.267.964,35	409%
2	Thuế thu nhập doanh nghiệp	"	30.973	137.679,55	
3	Lợi nhuận sau thuế	"	278.759	1.130.284,80	405%
4	Tỷ lệ chia cổ tức (%)	%	10%		
VI	GIÁ THÀNH SẢN XUẤT	VND/kWh	2.279	2.202	97%
VII	NỢP NGÂN SÁCH	Triệu.VND	181.297	207.646	115%

(Chữ ký)

BẢNG KẾT QUẢ TIẾT KIỆM TIẾT GIẢM CHI PHÍ NĂM 2025

Stt	Chỉ tiêu	Đvt	TKTG năm 2025
1	Chi phí biến đổi	Tỷ đồng	23,00
2	Chi phí hoạt động VPP; Đào tạo; Sửa chữa nhà cửa vật kiến trúc	“	15,11
3	Chi phí ATSKMT	“	2,27
4	Chi phí cổ đông	“	0,24
5	Chi phí tài chính	“	0,74
6	Mua sắm dịch vụ	“	49,30
TỔNG CỘNG		“	90,67

TỔNG HỢP KẾ HOẠCH SẢN XUẤT KINH DOANH NĂM 2026

Stt	Các chỉ tiêu kế hoạch	Đơn vị	Kế hoạch năm 2026				
			Tổng cộng	Quý I	Quý II	Quý III	Quý IV
A	B	C	1=2+3+4+5	2	3	4	5
A	KẾ HOẠCH SẢN LƯỢNG						
I	SẢN LƯỢNG ĐIỆN	Triệu.kWh	3.500,00	831,43	1.002,54	752,32	913,71
-	Sản lượng điện chạy khí	"	3.500,00	831,43	1.002,54	752,32	913,71
II	NHIÊN LIỆU TIÊU THỤ		-				
-	Khí	Triệu Sm ³	669,89	159,13	191,88	143,99	174,88
B	KẾ HOẠCH TÀI CHÍNH						
I	TỔNG TÀI SẢN	Triệu.VND	8.794.516	8.719.921	9.081.725	8.745.989	8.794.516
II	VỐN CHỦ SỞ HỮU	Triệu.VND	4.383.405	4.456.758	4.583.507	4.659.000	4.383.405
	Trong đó: - Vốn điều lệ	"	2.878.760	2.878.760	2.878.760	2.878.760	2.878.760
	- Tỷ lệ tham gia của PV Power	%	59,37	59,37	59,37	59,37	59,37
III	NỢ PHẢI TRẢ	Triệu.VND	4.411.111	4.263.163	4.498.217	4.086.990	4.411.111
1	Nợ ngắn hạn	"	4.411.111	4.263.163	4.498.217	4.086.990	4.411.111
IV	TỔNG DOANH THU	Triệu.VND	8.170.120	1.958.399	2.306.645	1.776.348	2.128.728
V	TỔNG CHI PHÍ	"	7.632.584	1.820.850	2.148.208	1.681.983	1.981.544
1	Chi phí giá vốn	"	7.380.169	1.757.746	2.085.104	1.618.879	1.918.440
2	Chi phí tài chính	"	103.430	25.858	25.858	25.858	25.858
3	Chi phí quản lý	"	148.985	37.246	37.246	37.246	37.246
4	Chi phí khác	"	-				
VI	XỬ LÝ TÀI CHÍNH	Triệu.VND					
1	Lợi nhuận trước thuế	"	537.536	137.549	158.437	94.365	147.184
2	Thuế thu nhập doanh nghiệp	"	107.507	27.510	31.687	18.873	29.437
3	Lợi nhuận sau thuế	"	430.029	110.040	126.750	75.492	117.747
4	Trích quỹ khen thưởng phúc lợi-thưởng người quản lý	"	21,50				
5	Tỷ lệ chia cổ tức (%) (Tiền mặt/Cổ phiếu)	%	15%				
VII	GIÁ THÀNH SẢN XUẤT	VND/kWh	2.181	2.190	2.143	2.236	2.169
		Usecent/kWh	9,280	9,3192	9,1182	9,5137	9,2284
VIII	NỢNG NGÂN SÁCH	Triệu.VND	269.872	68.875	76.986	54.421	69.589
IX	KẾ HOẠCH LAO ĐỘNG, TIỀN LƯƠNG						
1	Lao động định biên	Người	180				
2	Lao động bình quân	Người	180				
3	Năng suất lao động bình quân (tính theo doanh thu)	Triệu.VND /người/tháng	3.782				
X	KẾ HOẠCH ĐÀO TẠO						
1	Kế hoạch đào tạo	Lượt	162				
2	Kinh phí đào tạo	Triệu.VND	1.745				

Tỷ giá ngoại tệ quy đổi là:

1 USD = 26.500 VNĐ

1 EUR = 30.000 VNĐ

E

BM-KHTH-02

KẾ HOẠCH SẢN LƯỢNG ĐIỆN VÀ KHỐI LƯỢNG NHIÊN LIỆU TIÊU THỤ

Tháng	Kế hoạch năm 2026		
	Sản lượng QC (MWh)	Sản lượng điện khí sản xuất (MWh)	Khối lượng nhiên liệu tiêu thụ (kSm3)
1	301.667	299.413	57.306
2	196.667	187.578	35.902
3	336.667	344.441	65.925
4	326.667	344.852	66.003
5	326.667	351.072	67.194
6	296.667	306.616	58.685
7	296.667	315.577	60.400
8	226.667	212.831	40.735
9	236.667	223.913	42.856
10	281.667	303.354	58.061
11	276.667	295.906	56.635
12	296.667	314.447	60.184
Tổng cộng	3.400.000	3.500.000	669.886

